-

TÒA ÁN ND HUYỆN Y T
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HS- ST
Ngày 17- 4- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T – TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Hải Đăng;
Ông Đỗ Ngọc Thắng.
Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vi Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang, mở phiên toà C khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn H; sinh năm 1990 tại Y T, Bắc Giang (bị cáo có mặt tại phiên tòa);

Nơi cư trú: Thôn Đ Q, xã Đ S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nm; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nm; con ông: Phạm Văn Ha, sinh năm 1966(đã chết) và bà: Phạm Thị T; sinh năm 1969; vợ: Nông Thị H; sinh năm 1991; bị cáo có 02 con.

Tiền án,tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 54/2014/HSST ngày 19/11/2014, Phạm Văn H bị Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", đã chấp hành xong bản án tháng 02/2018. Bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã, bị tạm giữ từ ngày 08/12/2018, tạm giam từ ngày 10/12/2018, hiện bị can đang tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Bắc Giang.

- Bị hại:

1.Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ Q, xã Đ S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Lê Đức Hu, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G C, xã Đ K, huyện Y T tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.*

1.Chị Lê Thị L, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T C 1, xã Đ K, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

2.Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ Q, xã Đ S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố G L, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Ngô Q C, sinh năm: 1951 (vắng mặt).

5. Bà Phan Thị Hi, sinh năm: 1954 uỷ quyền cho ông Ngô Quang C, sinh năm: 1951 đại diện (văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 01 năm 2019).

Đều cùng địa chỉ: Thôn Đ L, xã Đ S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Văn Hu, sinh năm: 1970 (có mặt).

8. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ T, xã Đ S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

9. Anh Đỗ Văn Q, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã N H, huyện L G, tỉnh Bắc Giang.

10. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D T, xã B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

11. Anh Nguyễn Duy H, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 66, đường Nguyễn P V, phường T Q, huyện S T, thành phố Đ N.

12.Anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/6/2018, Phạm Văn H, sinh năm 1990 ở thôn Đ Q, xã Đ S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang đến nhà dì ruột là chị Phạm Thị N, sinh năm 1975 ở cùng thôn chơi. H hỏi mượn xe mô tô của chị N đi mua thuốc lá thì chị N đồng ý giao xe mô tô nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 98B2-74232 cho H. H đi xe mô tô của chị N đến nhà nghỉ Hương Quê ở thôn T G 1, xã Đ K, huyện Y T đón Nguyễn Hu N, sinh năm 1984 ở phố Tân Tiến, thị trấn B H, huyện Y T rồi quay lại nhà chị N n H chị N đã đến nhà anh H C C, sinh năm 1988 ở thôn Đ K, xã Đ S, huyện Y T chơi. H

chở N đến nhà anh C gặp chị N. Sau đó, H điều khiển xe mô tô của chị N đưa N về nhà nghỉ Hương Quê rồi nghỉ tại đó. Đến trưa ngày 02/6/2018, do không có tiền trả nợ do đã vay của N trước đó nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị N. H cầm cố chiếc xe mô tô cho chị Lê Thị L, sinh năm 1975 ở thôn T G 1, xã Đ K, huyện Y T (Là chủ nhà nghỉ Hương Quê) để vay 2.000.000đ (Hai triệu đồng). H trả N 1.500.000 đồng, số tiền còn lại H chi tiêu hết. Sau đó chị N đòi nhiều lần n H H không chuộc xe trả. Ngày 09/6/2018, H đến nhà chị N chơi và nhìn thấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B2-74232 của chị N để trong Ti xách, H đã lấy chiếc đăng ký xe mô tô rồi đến nhà chị L và viết giấy bán xe mô tô biển kiểm soát 98B2-74232 (kèm theo đăng ký) cho chị L với giá bán là 5.000.000 đồng. Do đã cầm cố trước 2.000.000 đồng nên chị L chỉ đưa thêm cho H 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Số tiền này H chi tiêu cá nhân hết, sau đó H bỏ trốn. Ngày 08/12/2018, H bị Cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện Y T bắt theo Lệnh truy nã.

Tại Kết luận giám định số 1181/KL-KTHS ngày 05/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Chữ viết, chữ ký trên tài liệu Cô giám định(ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M8) là do cùng một người ký, viết ra*.

Tại Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y T kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B2-742.32, số loại 110cc, màu sơn ghi bạc, đăng ký lần đầu ngày 03/8/2016, trên vỏ ghi DETECH, xe cũ đã qua sử dụng, giá định giá tại thời điểm định giá là 6.000.000 đồng(sáu triệu đồng).

Ngoài hành vi nêu trên, quá trình điều tra đã xác định được: Phạm Văn H còn 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 20/7/2018, anh Lê Đức Hu, sinh năm 1979 ở thôn Giếng Chảnh, xã Đ K, huyện Y T gọi H đến nhà và nhờ H bán hộ chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe SHARK biển kiểm soát 43C1-072.31, nếu H bán được 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) thì anh Hu sẽ cho H 1.000.000đ (Một triệu đồng), H đồng ý. Sau khi anh Hu giao xe mô tô kèm theo đăng ký xe cho H, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh Hu. H đã mang xe mô tô đến đặt làm tin cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 ở phố G L, thị trấn B H, huyện Y T để vay 5.500.000 đồng rồi chi tiêu hết. Chiều ngày 21/7/2018, anh Hu gọi điện hỏi thì H nói dối là để vợ cHô H mua. Sau khi không thấy H quay lại chuộc xe mô tô, anh Cô đã bán xe mô tô biển kiểm soát 43C1-072.31 cho người không quen biết nên không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2018 của Hội đồng

định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe SHARK, màu sơn nâu, vàng, xám, biển kiểm soát 43C1-072.31, xe đăng ký lần đầu ngày 29/6/2011, giá trị tài sản tại thời điểm định giá là 9.000.00 đồng(chín triệu đồng). Anh Hu yêu cầu H phải bồi thường số tiền 9.000.000 đồng, H chưa bồi thường.

Lần thứ hai: Ngày 05/8/2018, H đến nhà ông Ngô Q C, sinh năm 1951 ở thôn Đ L, xã Đ S, huyện Y T chơi. Tại đây, H hỏi ông C cho H mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 98N3-4572 để đi mua thuốc lá thì ông C đồng ý. H đi xe mô tô của ông C ra lán nhà ông Triệu Văn C, sinh năm 1954 ở thôn Đ T, xã Đ S, huyện Y T thì gặp Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 ở thôn Đ T, xã Đ S, huyện Y T và Đỗ Văn Q, sinh năm 1990 ở thôn Trằm, xã Nghĩa H, huyện Lạng Giang ở đó. H, H và Q rủ nhau đi chơi điện tử. H khai: Do không có tiền chơi điện tử nên H bàn với H và Q đem xe mô tô của ông C đi cầm cố thì H và Q đồng ý. H, H và Q đi xe mô tô biển kiểm soát 98N3-4572 của ông C đi đến nhà anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 ở phố G L, thị trấn B H, huyện Y T đặt xe làm tin lấy 1.500.000 đồng n H anh Cê cắt 200.000 đồng tiền lãi và chỉ đưa cho H 1.300.000 đồng. Khi đặt xe lại, H có viết giấy vay tiền. H và Q mỗi người cầm 500.000 đồng, H cầm 250.000 đồng, còn 50.000 đồng thì H mua nước và thuốc lá cùng nhau sử dụng. Sau khi không thấy H quay lại chuộc xe mô tô, anh Cê đã bán xe mô tô biển kiểm soát 98N3- 4572 cho người không quen biết nên không thu hồi được. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm vật chứng n H chưa có kết quả.

Ngày 04/01/2019, anh Cê giao nộp cho cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền, người vay là Nguyễn Văn H ở thôn Đ T, xã Đ S, huyện Y T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 65a/KL-HĐĐTS ngày 15/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y T kết luận: 01 xe biển kiểm soát 98N3-4572, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đỏ đen, xe đăng ký lần đầu ngày 20/8/2008, xe cũ đã qua sử dụng, giá trị tài sản tại thời điểm định giá là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba: Khoảng 22 giờ ngày 08/8/2018, khi H cùng với Q đang ở lán nhà ông Triệu Văn C, sinh năm 1954 ở thôn Đ T, xã Đ S, huyện Y T thì H đi xe mô tô biển kiểm soát 89N1-2588 đến. H hỏi H cho mượn xe mô tô thì H đồng ý. H đi xe mô tô ra thị trấn B H, huyện Y T. Do không có tiền chi tiêu nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của H nên H đã đi xe mô tô đến đặt làm tin cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 ở thôn D T, xã B H, huyện Y T để vay 1.000.000 đồng. Ngày 09/8/2018, H lại đến gặp anh T bảo cầm cố thêm, anh T đã đưa cho H thêm 500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59a/KL-HĐĐTS ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y T kết luận: 01 xe biển kiểm soát 89N1-2588, nhãn hiệu Vemvipi, dung tích 110, màu sơn đỏ, đen, đăng ký lần đầu ngày 21/5/2010, giá trị tài sản tại thời điểm định giá là 1.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 17/CT – VKS - YT ngày 21/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T truy tố Phạm Văn H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T thực hành quyền C tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng số 17/CT – VKS ngày 21/3/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 18 tháng đến 24 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2018.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy 01 bình ắc quy màu đen, trên bình có chữ Dong Ni 12V-4Ah(10HR)PT Z5S, bình cũ đã qua sử dụng.

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 525.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát luận tội, bị cáo không trình bày lời bào chữa; bị hại,người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do người tham gia tố tụng cung cấp là hợp pháp; hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[1.1] Sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị hại là anh Lê Đức Hu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ n H vắng mặt, sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, mặt khác họ đã có bản khai lưu tại hồ sơ, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T C bố bản cáo trạng số 17/CT – VKS - YT ngày 21/3/2019, qua xét hỏi, bị cáo Phạm Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Cụ thể bị cáo khai nhận đã hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH biển kiểm soát 98B2-742.32, của chị Phạm Thị N, sau đó bị cáo bán cho chị Lê Thị L lấy 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) ăn tiêu cá nhân hết. Bị cáo cũng thừa nhận có nhận bán hộ anh Lê Đức Hu 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe SHARK biển kiểm soát 43C1-072.31 với giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), anh Hu đã tin tưởng giao xe cùng giấy tờ đăng ký cho bị cáo, sau khi nhận xe anh Hu giao, bị cáo không thực hiện việc bán xe giúp anh Hu mà đã mang chiếc xe đặt làm tin để vay anh Nguyễn Văn C 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) rồi chi tiêu hết. Do H không có tiền quay lại chuộc xe, anh Cê đã bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 43C1-072.31 cho người không quen biết nên không thu hồi được.

Ngoài ra bị cáo H cũng thừa nhận hành vi mượn của ông Ngô Q C chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N3-4572, nhãn hiệu ESPERO vào ngày 05/8/2018 sau đó cầm cố cho anh Nguyễn Văn C lấy 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) n H anh Cê cắt 200.000đ tiền lãi, H cầm 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) n H lấy ra 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) mua nước, thuốc lá cùng nhau sử dụng. H đưa cho Nguyễn Văn H 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), Đỗ Văn Q 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) ăn tiêu hết. Ngày 08/8/2018 H mượn của Nguyễn Văn H 01 xe mô tô biển kiểm soát 89N1-2588, nhãn hiệu Vemvipi để ra thị trấn B H, sau đó H mang chiếc xe cầm cố cho anh Nguyễn Văn T lấy 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) ăn tiêu hết.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra tại các bút lục 104,105,107,109,110,111,112 phù hợp về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện tội phạm, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tại các bút lục 141, 142,317, 318,319,320, 325 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có được tài sản của chị N, anh Hu thông qua hình thức hợp đồng, n H sau đó đã cầm cố tài sản lấy tiền ăn tiêu mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu tài sản, bị cáo cầm cố tài sản là không hợp pháp, dẫn đến không có khả năng

trả lại tài sản cho chị N, anh Hu. Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận Phạm Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội danh và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự, như vậy bản cáo trạng số 17/CT – VKS - YT ngày 21/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang truy tố Phạm Văn H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền ăn tiêu, Chính vì vậy Cân xét xử nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa.

Xét về nhân thân bị cáo: Hội đồng xét xử thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu: Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc tại Bản án số 54/2014/HSST ngày 19/11/2014, đã chấp hành xong bản án tháng 02/2018.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có tác động với Bà Phạm Thị T là mẹ bị cáo bồi thường cho chị Lê Thị L toàn bộ thiệt hại với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự;

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Cân thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, có như vậy mới có điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội. Bị cáo không có tài sản nên ngoài hình phạt chính, không Cân áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Chị Lê Thị L, anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T đều không biết nguồn gốc các xe mô tô mà H đem đến bán, đặt làm tin để vay tiền nên không xử lý.

Đối với hành vi H chiếm đoạt xe mô tô của ông C và anh H: Do giá trị những tài sản này chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, C an huyện Y T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Việc xử lý hành chính của cơ quan điều tra là đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi H lấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B2-74232 của chị N để

trong Ti xách. Xét thấy việc H lấy giấy đăng ký xe mô tô này để thực hiện hành vi chiếm đoạt là bán chiếc xe mô tô của chị N cho chị L nên không xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị N đã nhận được chiếc xe biển kiểm soát 98B2-74232, chị N không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.Chiếc xe nhãn hiệu SYM, loại xe SHARK biển kiểm soát 43C1- 072.31 bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Đức Hu không thu hồi được, anh Hu yêu cầu bị cáo bồi thường 9.000.000đ (chín triệu đồng); chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N3-4572, nhãn hiệu ESPERO vào ngày 05/8/2018 sau đó cầm cố cho anh Nguyễn Văn C 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) không thu hồi được, ông C yêu cầu bị cáo bồi thường 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Hu, ông C nên Cà chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Vật chứng của vụ án: Ngày 12/7/2018, chị L giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 98B2-742.32 kèm theo 01 đăng ký xe, 01 bình ắc quy. Ngày 19/11/2018, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị N chiếc xe mô tô trên kèm theo đăng ký xe. Ngày 14/12/2018 và ngày 26/02/2019, anh T giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89N1-2588 và chiếc biển kiểm soát 89N1-2588 cho cơ quan điều tra, ngày 31/01/2019 cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe cho anh Nguyễn Văn Hu. Việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là đúng quy định tại điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.Chiếc bình ắc quy chị Lê Thị L giao nộp là tài sản của chị Phạm Thị N, không còn giá trị sử dụng, chị N không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Phạm Văn H 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2018.

Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải bồi thường cho anh Lê Đức Hu 9.000.000đ (Chính triệu đồng), bồi thường cho ông Ngô Q C 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi

hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thanh toán thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bình ắc quy màu đen, trên bình có chữ Dong Ni 12V-4Ah(10HR)PTZ5S, bình cũ đã qua sử dụng.

- Án phí, quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y T;
- Chi cục THADS huyện Y T;
- Trại tạm giam C an tỉnh Bắc Giang;
- C an huyện Y T;
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo